

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

(1) Người xưa có câu nói rất hay: “Nước chảy không thối, trục cửa không mọt.”⁽¹⁾

(2) Nhà khoa học người Mỹ – Franklin từng nói câu tương tự: “Thói lười biếng cũng giống như gỉ sét, gây hại cho thân xác chúng ta hơn cả sự lao động vất vả. Chiếc chìa khóa thường xuyên dùng sẽ luôn sáng bóng”.

(3) Để thấy rằng, mưu cầu an nhàn thật nguy hại. Bất luận ở hoàn cảnh nào, hễ ở trong trạng thái an nhàn, bất cứ lúc nào chúng ta cũng có khả năng bị nguy cơ xâm nhập, và chúng ta ngày càng trở nên an dật, yếu đuối, mất hết sức chống chọi. Chúng ta nên biết rằng sự cạnh tranh trong cuộc sống vốn rất khốc liệt và tàn nhẫn, chỉ những ai đã chuẩn bị đầy đủ mới có cơ hội sống sót.

(4) Đừng để bản thân dừng quá lâu ở vùng dễ chịu, mà phải tìm cách đột phá khỏi nó. Hãy tự hỏi chính mình, bạn có yêu thích công việc đang làm hiện tại không? Điều gì khiến bạn bước vào sự an nhàn, đánh mất động lực, không chịu đột phá? Thế rồi căn cứ theo kì vọng và động cơ bản thân để đặt ra một mục tiêu phù hợp với dự định của mình. Một khi có mục tiêu rõ ràng, bạn sẽ tràn đầy động lực tiến bước về cái đích phía trước.

(Trích *Đừng chọn an nhàn khi còn trẻ*, Cảnh Thiên, NXB Thế giới, 2019)

(1) Ngụ ý con người chăm chỉ hoạt động, làm lụng thì sẽ không bị lạc hậu, kém cỏi, mài mòn đi.

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.

Câu 2. Theo tác giả, mưu cầu an nhàn gây ra những nguy hại gì?

Câu 3. Nêu hiệu quả của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong câu văn: “Thói lười biếng cũng giống như gỉ sét, gây hại cho thân xác chúng ta hơn cả sự lao động vất vả”

Câu 4. Qua đoạn trích, anh/chị hãy rút ra bài học sâu sắc nhất cho bản thân.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về sự cần thiết của việc bước qua vùng an toàn đối với mỗi người.

Câu 2 (5,0 điểm)

Trong bài thơ *Việt Bắc*, nhà thơ Tố Hữu viết:

“- *Mình về mình có nhớ ta*
Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.
Mình về mình có nhớ không
Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?

- *Tiếng ai tha thiết bên cồn*
Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi
Áo chàm đưa buổi phân li
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...”

(Trích *Việt Bắc* - Tố Hữu, Ngữ văn 12, Tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ trên; từ đó, nhận xét tính dân tộc được thể hiện trong đoạn thơ.

-----Hết-----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:.....; Số báo danh:.....

Chữ ký của cán bộ coi thi 1:.....; Chữ ký của cán bộ coi thi 2:.....

(Đáp án gồm 05 trang)

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

I/ Yêu cầu chung:

1. Giám khảo nắm vững yêu cầu của Hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh. Hướng dẫn chấm chỉ nêu những nội dung cơ bản, có tính định hướng, định tính chứ không định lượng. Giám khảo cần hết sức linh hoạt khi vận dụng; trân trọng những bài có ý kiến và giọng điệu riêng. Chấp nhận các cách kiến giải khác nhau, kể cả không có trong hướng dẫn chấm, miễn là hợp lí và có sức thuyết phục.

2. Tổng điểm toàn bài là 10,0 điểm, cho lẻ đến 0,25 điểm.

II/ Yêu cầu cụ thể:

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC HIỂU		3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận. Hướng dẫn chấm - HS trả lời như đáp án: 0,75 điểm. - HS trả lời khác đáp án: không cho điểm.	0,75
	2	Theo tác giả, mưu cầu an nhàn gây ra những nguy hại là: - Bất cứ lúc nào chúng ta cũng có khả năng bị nguy cơ xâm nhập - Chúng ta ngày càng trở nên an dật, yếu đuối, mất hết sức chống chọi. Hướng dẫn chấm - HS trả lời như đáp án: 0,75 điểm. - HS trả lời được một trong hai ý như đáp án: 0,5 điểm. - HS trả lời khác đáp án: không cho điểm.	0,75
3	- Chỉ ra được biện pháp tu từ so sánh : So sánh thói lười biếng giống như gỉ sét. - Hiệu quả: + Giúp lời văn trở nên sinh động, giàu sức gợi hình, gợi cảm. + Nhấn mạnh hậu quả do thói lười biếng gây ra còn nguy hại hơn cả sự lao động vất vả. Nó ăn mòn năng lực của con người, làm cho con người trở nên trì trệ, hoen rỉ. Từ đó phê phán thói lười biếng. Hướng dẫn chấm - HS trả lời như đáp án hoặc có cách diễn đạt tương đương: 1,0 điểm. - HS trả lời được biểu hiện của phép so sánh: 0,25 điểm. - HS trả lời được ý 1 của hiệu quả: 0,25 điểm. - HS trả lời được ý 2 của hiệu quả: 0,5 điểm.	1,0	

	4	<p>- HS có thể rút ra một trong các bài học sau và lí giải thuyết phục: + Không để sự lười biếng ăn mòn bản thân. + Không nên chỉ mưu cầu an nhàn. + Cần bước qua khỏi vùng an toàn để khẳng định mình. Hướng dẫn chấm - HS nêu được bài học phù hợp: 0,25 điểm. - HS lí giải được bài học: 0,25 điểm. <i>Lưu ý: HS có thể rút ra bài học khác so với đáp án nhưng phù hợp với nội dung văn bản giám khảo vẫn cho điểm.</i></p>	0,5
II	LÀM VĂN		7,0
	1	Viết đoạn văn bàn về sự cần thiết của việc bước qua vùng an toàn đối với mỗi người.	2,0
		<p>a. <i>Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p>b. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Sự cần thiết của việc bước qua vùng an toàn đối với mỗi người.</p>	0,25
		<p>c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận</i> Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ: Sự cần thiết của việc bước qua vùng an toàn đối với mỗi người. Có thể theo hướng: Chúng ta cần phải bước qua vùng an toàn để: + Trở nên mạnh mẽ, vượt qua nỗi sợ hãi, tự tin với chính mình, không bỏ cuộc trước những khó khăn, thử thách. + Có trải nghiệm mới mẻ, khám phá, phát hiện ra những năng lực mới của bản thân. Không bị tụt hậu trước sự thay đổi của cuộc sống. + Có kĩ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề một cách nhanh chóng, sáng tạo. Mở rộng mối quan hệ xã hội, tăng cường kĩ năng giao tiếp. Có nhiều cơ hội để thành công. Hướng dẫn chấm: - <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng: 1,0 điểm.</i> - <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng dẫn chứng chưa tiêu biểu: 0,75 điểm.</i> - <i>Lập luận chưa chặt chẽ, thiếu thuyết phục, thiếu dẫn chứng: 0,5 điểm.</i> - <i>Lập luận chưa chặt chẽ, lí lẽ không xác đáng, dẫn chứng không phù hợp: 0,25 điểm.</i></p>	1,0

	<p><i>* Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i></p>	
	<p>d) Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: <i>Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</i></p>	0,25
	<p>e) Sáng tạo Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: <i>Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận; có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh giàu sức thuyết phục.</i> <i>- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</i></p>	0,25
2	<p>Cảm nhận về tám câu đầu bài thơ “Việt Bắc”; từ đó, nhận xét tính dân tộc được thể hiện trong đoạn thơ.</p>	5,0
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận <i>Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.</i></p>	0,25
	<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Khung cảnh và tâm trạng chia tay giữa người dân chiến khu Việt Bắc và cán bộ, chiến sĩ về xuôi. Nhận xét về tính dân tộc được thể hiện trong đoạn thơ. Hướng dẫn chấm: <i>- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.</i> <i>- Học sinh xác định được 1 ý của vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.</i></p>	0,5
	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng, đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	
	<p>* Giới thiệu tác giả Tố Hữu, bài thơ “Việt Bắc”, vấn đề cần nghị luận. Hướng dẫn chấm: <i>- Giới thiệu đủ các ý như trên: 0,5 điểm.</i> <i>- Giới thiệu chưa đầy đủ: 0,25 điểm.</i></p>	0,5
	<p>* Cảm nhận đoạn thơ: <i>- Bốn câu thơ đầu: Nỗi lòng của người ở lại + Mượn lời ước hỏi, người ở lại vừa bộc bạch nỗi nhớ thương vừa thăm dò và đòi hỏi nhớ thương. + Nhắc nhở, khơi gợi kỉ niệm về một giai đoạn cách mạng đầy gian khổ mà sâu nặng nghĩa tình.</i></p>	2,0

	<p>+ Nhắc nhở và khẳng định Việt Bắc là cội nguồn của mọi thắng lợi, cội nguồn cách mạng.</p> <p>- Bốn câu sau: Tiếng lòng của người đi.</p> <p>+ Khẳng định sự đồng cảm, thấu hiểu sâu sắc tâm tư và nỗi lòng của người ở lại.</p> <p>+ Bài tỏ nỗi lòng bằng không ghen ngào chẳng thể thốt nên lời trước cảnh chia li. Từ đó khẳng định tấm lòng thủy chung son sắt của người về.</p> <p>+ Bài tỏ tình yêu thiết tha với quê hương, con người Việt Bắc.</p> <p>- Nghệ thuật:</p> <p>+ Thể thơ lục bát, lối hát đối đáp, đại từ xưng hô “<i>mình – ta</i>” tạo giọng điệu mượt mà, ngọt ngào, tha thiết. Đại từ phiếm chỉ “<i>ai</i>” tạo tiếng nói đồng vọng trong thơ.</p> <p>+ Vận dụng khéo léo các biện pháp tu từ: Điệp từ, câu hỏi tu từ, đối, hoán dụ... mở ra thế giới tâm trạng phong phú của chủ thể trữ tình.</p> <p>+ Nhiều từ ngữ, hình ảnh trong sáng gắn với quê hương Việt Bắc gợi khung cảnh chia li chân thực, gợi cảm.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm.</p> <p>- Học sinh phân tích thiếu hoặc chưa sâu sắc: 1,25 điểm – 1,75 điểm.</p> <p>- Học sinh phân tích lan man, sơ lược: 0,25 điểm – 1,0 điểm.</p>	
	<p>* Nhận xét tính dân tộc thể hiện qua đoạn thơ:</p> <p>Tính dân tộc thể hiện cả ở 2 phương diện nội dung và hình thức của đoạn trích:</p> <p>- Nội dung:</p> <p>+ Mượn cuộc chia li giữa người đi và người ở, tác giả đã viết về một vấn đề lịch sử có ý nghĩa trọng đại. Qua đó thể hiện tình yêu quê hương đất nước và nghĩa tình cách mạng thiết tha.</p> <p>+ Đoạn thơ cũng thể hiện những vẻ đẹp truyền thống văn hoá của dân tộc Việt Nam ta. Đó là truyền thống về lối sống giàu yêu thương, nghĩa tình, chung thủy.</p> <p>+ Đoạn thơ còn thể hiện tình yêu thiên nhiên tha thiết của con người Việt Nam.</p> <p>- Nghệ thuật: Tính dân tộc thể hiện trên nhiều phương diện như:</p> <p>+ Đoạn thơ viết về đề tài quen thuộc: chia ly, tình yêu quê hương đất nước.</p> <p>+ Vận dụng thể thơ lục bát truyền thống, lối đối đáp, xưng hô <i>mình - ta</i> quen thuộc, đậm màu sắc ca dao.</p> <p>+ Cách nói giàu hình ảnh, giọng điệu ngọt ngào, giàu nhạc tính, mang chất liệu dân gian.</p>	0,5

	<p>+ Mượn lối đối đáp, xưng hô “ta- mình” quen thuộc của ca dao nhà thơ đã thể hiện một quan hệ mới: quan hệ giữa người ở lại - quê hương kháng chiến, cội nguồn cách mạng với người ra đi - hình ảnh biểu trưng cho nhân dân kháng chiến. Đó chính là tình cảm đậm đà thắm thiết giữa đất nước với nhân dân và ngược lại.</p> <p>Hướng dẫn chấm: - Trình bày đầy đủ, sâu sắc: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</p>	
	<p>- Đánh giá: + Đoạn thơ là khúc nhạc dạo đầu cho cuộc chia li lịch sử đầy áp nỗi nhớ nhung, yêu thương, sắt son, chung thủy giữa người ở và người đi. Là đoạn thơ khơi nguồn cảm xúc và thể hiện cảm xúc chủ đạo của tác phẩm. + Đoạn thơ tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu.</p> <p>Hướng dẫn chấm: - Học sinh đánh giá đầy đủ, sâu sắc: 0,5 điểm - Học sinh đánh giá được 1 ý: 0,25 điểm</p>	0,5
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác, với thực tiễn đời sống để làm nổi bật vấn đề nghị luận; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</p>	0,5
Tổng điểm		10,0

.....HẾT.....